

Bản án số: **04/2019/KDTM-PT**

Ngày 08/5/2019

V/v: *Tranh chấp HĐ tín dụng*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Hùng.

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Thủy.

Ông Lê Quốc Thành.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Dương Xuân Tú. Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:*

Bà Lê Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án KDTM phúc thẩm thụ lý số 11/2018/KDTM-PT ngày 28/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2018/KDTM-ST ngày 11/10/2018 của Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hóa bị kháng cáo và kháng nghị. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2019/QĐ-PT ngày 22/3/2019, giữa các đương sự:

**I. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần C.T Việt Nam.

Địa chỉ: Số... Tr.H.Đ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn Th - Chủ tịch HĐQT.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Văn N - Phó giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa. Giấy ủy quyền số 1108/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 26/10/2015.

**II. Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại tổng hợp Th.L.

Địa chỉ: SN... N.T, phường P.S, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Hoàng Thị Thu Th - Giám đốc Công ty.

**III. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trương Thị Tr.

2. Anh Hoàng Quốc L.

3. Chị Thiều Thị H.

Cùng địa chỉ: SN... N.T, phường P.S, Thành phố Thanh Hóa.

4. Ông Lê Xuân T, sinh năm 1944 và bà Lê Thị Q, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: SN... Q.T1, phường Đ.V, Thành phố Thanh Hóa.

- *Đại diện theo ủy quyền cho ông T tại phiên tòa,:* Bà Lê Thị Q.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà Q.*

Ông Nguyễn Ngọc U và ông Nguyễn Hữu G.

Công tác tại: Công ty luật TNHH Th.T - Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa.

5. Văn phòng Công chứng T.H.

Địa chỉ: Số... H.T, phường B.Đ, Thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị H - Trưởng văn phòng.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân D - Cán bộ văn phòng.

Ông Nguyễn Hoàng N - Công chứng viên.

Theo văn bản ủy quyền ngày 11/7/2018 của Trưởng Văn phòng.

6. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - UBND Thành phố Thanh Hóa.

Địa chỉ: đường Yên Ngựa, phường Hàm Rồng, Thành phố Thanh Hóa.

\* Người kháng cáo: Ngân hàng TMCP C.T Việt Nam, Văn phòng Công chứng T.H và Kháng nghị của VKSND Thành phố Thanh hóa.

\* Tại phiên tòa:

- Có mặt: Nguyên đơn; Văn phòng Công chứng T.H; Bà Q và ông Nguyễn Hữu G (người bảo vệ quyền lợi cho ông T, bà Q).

- Vắng mặt: Bị đơn; bà Trương Thị Tr, ông Hoàng Quốc L, bà Thiều Thị H và ông Lê Xuân T (người có QLVLQ); Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất; ông Nguyễn Ngọc U (người bảo vệ QL cho ông T, bà Q).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*I. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng hạn mức (sau đây viết tắt là HĐTD) số 11/2014-HĐTDHM/NHCT420-THANHLOI ngày 04/11/2014 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam (sau đây viết tắt gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại tổng hợp Th.L (sau đây viết tắt là Công ty), hạn mức cho vay 5.500.000.000đ. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty vay số tiền 4.660.000.000đ bằng 26 khế ước nhận nợ ; mục đích vay kinh doanh phân bón, các sản phẩm phân bón; thời hạn vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng, lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại các khế ước nhận nợ.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của HĐTD nêu trên, Công ty Th.L đã thế chấp các tài sản :

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 3, diện tích 110,68m<sup>2</sup>, tại địa chỉ : SN... Ng.Tr, phường Ph.S, TP. Thanh Hóa theo giấy CNQSDĐ số AG725956 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 23/11/2006 mang tên bà Trương Thị Tr, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 131031501/HĐBĐ ngày 25/9/2013 giữa Ngân hàng TMCP C.T Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa và bà Trương Thị Tr.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 10, diện tích 87m<sup>2</sup>, tại địa chỉ : SN ... Q.T1, phường Đ.V, TP. Thanh Hóa theo giấy CNQSDĐ số Y085437 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 11/8/2003 mang tên ông Lê Xuân T và bà Lê Thị Q, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 11580018/HĐBĐ ngày 15/7/2011 giữa Ngân hàng TMCP C.T Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa, công ty TNHH thương mại tổng hợp Th.L và ông Lê Xuân T, bà Lê Thị Q.

Quá trình thực hiện hợp đồng công ty TNHH thương mại tổng hợp Th.L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cam kết tại hợp đồng tín dụng. Ngày 17/12/2015 Ngân hàng đã gửi các thông báo nợ đến hạn và mời lãnh đạo công ty lên làm việc nhưng không có phản hồi, do đó khoản nợ của Công ty đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 18/12/2015. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, xuống làm việc, đơn đốc trả nợ nhưng đại diện công ty bà Hoàng Thị Thu Th, bà Trương Thị Tr bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo cho ngân hàng. Ngân hàng đã thông tìm kiếm bà Tr, bà Th trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời đề nghị Tòa án thông báo tìm kiếm bà Tr, bà Th vắng mặt tại nơi cư trú nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì về bà Tr, bà Th.

Ngân hàng đã thông báo và mời bên thứ ba có tài sản đảm bảo cho dư nợ là ông T và bà Q lên làm việc. Tuy nhiên ông T, bà Q không thực hiện, không hợp tác thực hiện các biện pháp trả nợ cho ngân hàng.

Tổng số tiền Công ty còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 11/10/2018 cụ thể như sau: Nợ gốc quá hạn: 4.550.000.000đ; nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn: 1.545.572.830đ; Tổng gốc và lãi là: 6.095.572.830đ. Nay ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền trên và tiếp tục tính lãi quá hạn đến ngày trả hết nợ theo thỏa thuận trong HĐTD. Trong trường hợp công ty không trả nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc thu hồi nợ.

*II. Đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại tổng hợp Th.L.* Quá thụ lý và giải quyết, bị đơn vắng mặt hiện không còn ở địa phương và không rõ đi đâu. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục giao, niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo tìm kiếm người vắng mặt theo quy định của Bộ luật tố tụng.

### *III. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

#### 1. Ông Lê Xuân T và bà Lê Thị Q trình bày:

Từ ngày 29/9/2006, gia đình ông bà đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 10, tại địa chỉ : SN ... Q.T1, phường Đ.V, TP. Thanh Hóa theo giấy CNQSDĐ số Y085437 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 11/8/2003 để thế chấp vào mục đích vay vốn ngân hàng. Ngày 20/01/2011 sau khi được giải chấp ông, bà cho bà Hoàng Thị Thu Th mượn lại giấy CNQSDĐ và ký hợp đồng thế chấp số 11070002/HĐBĐ,

được văn phòng công chứng T.H chứng thực ngày 20/01/2011 để đảm bảo cho HĐTD được ký kết giữa ngân hàng TMCP C.T Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa và bà Hoàng Thị Thu Th. Đến ngày 14/7/2011, do bên vay đã thanh toán hết gốc, lãi, phí và chi phí nên bên vay đã có đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp và thực tế ngày 15/7/2011 văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - UBND thành phố Thanh Hóa đã ghi xóa thế chấp trên trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên sau khi giải chấp bà Hoàng Thị Thu Th không trả lại giấy CNQSDĐ số Y085437 cho gia đình ông bà, mặc dù ông bà đã đòi nhiều lần.

Như vậy tính đến thời điểm ngày 20/01/2011 thì giấy CNQSDĐ số Y085437 và tài sản gắn liền với đất của gia đình ông, bà đã đang liên tục là tài sản tham gia thế chấp bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng của cá nhân vay vốn tại ngân hàng và đã thuộc tài sản đang đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – UBND thành phố Thanh Hóa. Một tài sản không thể đem để thế chấp cho hai hợp đồng thế chấp, vì vậy giấy CNQSDĐ số Y085437 và tài sản gắn liền với đất của gia đình ông, bà không thể là tài sản thế chấp cho hợp đồng thế chấp số 11580018/HĐBĐ ký ngày 14/7/2010 giữa bên cho vay là ngân hàng TMCP C.T Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa và bên vay là công ty TNHH thương mại tổng hợp Th.L và bên thế chấp là ông Lê Xuân T, bà Lê Thị Q được. Do đó đã có đủ điều kiện để khẳng định ngân hàng TMCP C.T Việt Nam – Chi nhánh Thanh hóa, công ty TNHH thương mại tổng hợp Th.L, văn phòng công chứng T.H đã cùng nhau làm giả mạo hợp đồng thế chấp số 11580018/HĐBĐ ký ngày 14/7/2010 để vay vốn ngân hàng mà không đúng với ý chí của ông, bà.

Ông, bà đề nghị TAND thành phố Thanh Hoá tuyên bố vô hiệu: đối với văn bản công chứng số 109, quyển 3 TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011 đối với hợp đồng thế chấp số: 11580018/HĐBĐ ký ngày 14/7/2011 ; và văn bản công chứng số 2445, quyển 5 TP-CC.SCC-HĐGD ngày 20/11/2015 đối với văn bản sửa đổi nội dung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba ngày 20/11/2015 do văn phòng Công chứng T.H công chứng. Loại hai văn bản này ra khỏi HĐTD số 11/2014-HĐTDHM/NHCT420 - Th.L đã ký ngày 04/11/2014 giữa ngân hàng TMCP C.T Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa với công ty TNHH thương mại tổng hợp Th.L. Trả lại cho ông, bà toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y085437 ; vào sổ số T00439 ĐV QSDĐ/2007/QĐ-CT do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 11/8/2003 mang tên Lê Xuân T bà Lê Thị Q.

Trong thực tế từ sau ngày 20/01/2011, ông bà có một số lần ký văn bản, giấy tờ do bà Th mang đến ký tại nhà, bà Th chỉ nói là ký vào đây để hoàn tất thủ tục để đến ngân hàng để rút lại giấy tờ để trả lại cho gia đình ông, bà. Cho nên ông, bà ký chỉ với mục đích là để lấy lại giấy CNQSDĐ số Y085437 chứ không phải ký để đem tài sản của mình ra đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng của công ty TNHH thương mại Th.L đã ký với ngân hàng như những nội dung đã nêu tại hợp đồng thế chấp số 11580018/HĐBĐ ký ngày 14/7/2011 và văn bản sửa đổi bổ xung hợp đồng thế chấp số 11580018/HĐBĐ ký ngày 20/11/2015.

Nay ngân hàng khởi kiện vụ án trên, ông, bà mới biết các nội dung ông, bà ký kết là bị bà Th lừa để phục vụ cho mục đích lừa đảo của công ty TNHH thương mại tổng hợp Thanh Lợi do bà Th làm giám đốc và ngân hàng TMCP C.T Việt nam - Chi nhánh Thanh Hóa.

## 2. Văn phòng Công chứng T.H trình bày:

Ngày 15/7/2011, theo yêu cầu Công chứng của ông Lê Xuân T, bà Lê Thị Q; Công ty TNHH thương mại tổng hợp Th.L và ngân hàng TMCP C.T Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa đề nghị văn phòng Công chứng T.H công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số Y085437 ; vào sổ số T00439 ĐV. QSDĐ/2007/QĐ-CT do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 11/8/2003 ; diện tích 87 m<sup>2</sup>, tài sản gắn liền với đất là nhà 02 tầng và 01 nhà cấp 4 tại địa chỉ số ..., Q.T1, phường Đ.V, thành phố Thanh Hóa. Sau khi các bên yêu cầu Công chứng xuất trình đầy đủ các giấy tờ và phù hợp với quy định của pháp luật. Văn phòng Công chứng xét thấy có đủ căn cứ để chứng nhận và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba nên văn phòng Công chứng T.H đã thực hiện việc công chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/11/2015 các bên tham gia giao kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba lại tiếp tục có đơn yêu cầu văn phòng Công chứng T.H công chứng văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba. Sau khi các bên yêu cầu Công chứng xuất trình đầy đủ các giấy tờ và phù hợp với quy định của pháp luật. Văn phòng Công chứng xét thấy có đủ căn cứ để chứng nhận vào văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba nên văn phòng Công chứng T.H đã thực hiện việc công chứng theo quy định của pháp luật.

Như vậy việc công chứng hợp đồng thế chấp số 109, quyển 3 TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 2245, quyển 5 TP-CC.SCC-HĐGD là đúng trình tự thủ tục và đúng quy định của pháp luật. Do đó người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Q có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng số 109, quyển 3 TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011 và văn bản công chứng số 2245, quyển 5 TP-CC.SCC-HĐGD ngày 20/11/2015 của văn phòng Công chứng T.H là không có căn cứ.

- Văn bản số 48/CV-VPĐK ngày 29/3/2018, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - UBND thành phố Thanh Hóa trình bày: Việc tiếp nhận hồ sơ, xác nhận đăng ký thế chấp và trả hồ sơ giao dịch đảm bảo đối với quyền sử dụng đất của SN ... Q.T1, phường Đ.V, thành phố Thanh Hóa của ông Lê Xuân T, bà Lê Thị Q ngày 15/7/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – UBND thành phố Thanh Hóa là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật trên cơ sở đơn yêu cầu thế chấp và hồ sơ kèm theo của ông Lê Xuân T, bà Lê Thị Q. Việc thể hiện ý chí tự nguyện căn cứ vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 11580018/HĐBĐ, đã được văn phòng Công chứng T.H chứng thực số 108, quyển 3 TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011.

\* Tại bản án KDTM sơ thẩm số 20/2018/KDTM-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 202; Khoản 2 Điều 227; Điều 273 BLTTDS. Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật CTCTD. Điều 471; Điều 319; Điều 342; Điều 343; Điều 344; Điều 355; Điều 122; Điều 128; Điều 136; Điều 137 BLDS năm 2005; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về áp phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam.

1. Buộc công ty TNHH thương mại tổng hợp Th.L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam khoản tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 11/2014-HĐTDHM/NHCT420-THANHLOI ngày 04/11/2014, số tiền tính đến ngày 11/10/2018 (ngày xét xử sơ thẩm), bao gồm: Nợ gốc quá hạn: 4.550.000.000đ; nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn: 1.545.572.830đ; Tổng cộng là: 6.095.572.000đ (sáu tỷ, không trăm chín lăm triệu, năm trăm bảy hai nghìn đồng nghìn đồng - làm tròn số).

Kể từ ngày 11/10/2018 Công ty TNHH thương mại tổng hợp Th.L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 11/2014-HĐTDHM/NHCT420-THANHLOI ngày 04/11/2014 và các khế ước nhận nợ.

Trong trường hợp bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 3, diện tích 110,68m<sup>2</sup>, tại địa chỉ : SN 526 Ng.Tr, phường Ph.S, TP. Thanh Hóa theo giấy CNQSDĐ số AG725956 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 23/11/2006 mang tên bà Trương Thị Tr, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 131031501/HĐBĐ ngày 25/9/2013 giữa Ngân hàng TMCP C.T Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa và bà Trương Thị Tr.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Xuân T, bà Lê Thị Q: Tuyên bố văn bản công chứng số 109, quyển 3 TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011 và văn bản công chứng số 245, quyển 5 TP-CC.SCC-HĐGD ngày 20/11/2015 do văn phòng Công chứng T.H công chứng bị vô hiệu.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP C.T Việt Nam về quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 10, diện tích 87m<sup>2</sup>, tại địa chỉ : SN ... Q.T1, phường Đ.V, TP. Thanh Hóa theo giấy

CNQSDĐ số Y085437 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 11/8/2003 mang tên ông Lê Xuân T và bà Lê Thị Q, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 11580018/HĐBĐ ngày 15/7/2011 giữa Ngân hàng TMCP C.T Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa, công ty TNHH thương mại tổng hợp Th.L và ông Lê Xuân T, bà Lê Thị Q.

Ngân hàng TMCP C.T Việt Nam có trách nhiệm trả lại đầy đủ giấy tờ về quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở và làm thủ tục xóa chấp cho gia đình ông Lê Xuân T, bà Lê Thị Q.

Án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*\* Sau khi xét xử, các đương sự kháng kháng cáo và Viện kiểm sát kháng nghị như sau:*

1. Ngày 22/10/2018, Văn phòng Công chứng T.H kháng cáo với nội dung: Các lỗi mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định không thuộc trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu quy định tại điều 122 đến 129 Bộ luật dân sự năm 2015. Các lỗi này đã được quy định cụ thể tại Điều 14 Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013, các lỗi này không làm ảnh hưởng đến nội dung Hợp đồng thế chấp. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố văn bản công chứng là vô hiệu nhưng không xác định lỗi là không đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy đề nghị hủy bản án sơ thẩm và công nhận giá trị của Hợp đồng mà hai bên đã ký.

2. Ngày 26/10/2018 Ngân hàng TMCP C.T Việt nam kháng cáo một phần bản án và đề nghị:

- Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 10, diện tích 87m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: SN ... Q.T1, phường Đ.V, TP. Thanh Hóa theo giấy CNQSDĐ số Y085437 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 11/8/2003 mang tên ông Lê Xuân T và bà Lê Thị Q, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 11580018/HĐBĐ ngày 15/7/2011 giữa Ngân hàng TMCP C.T Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa, công ty TNHH thương mại tổng hợp Th.L và ông Lê Xuân T, bà Lê Thị Q.

- Trường hợp văn bản công chứng số 109, quyển 3 TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011 và văn bản công chứng số 245, quyển 5 TP-CC.SCC-HĐGD ngày 20/11/2015 vẫn bị tuyên vô hiệu thì tuyên Văn phòng Công chứng T.H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại bằng với mức thẩm định giá tài sản tại thời điểm xử lý tài sản thu thu hồi nợ.

3. Ngày 26/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hóa có Quyết định kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-KDTM với nội dung:

- Căn cứ vào ý chí, năng lực hàng vi dân sự của ông Lê Xuân T và bà Lê Thị Q trong quá trình ký kết các văn bản thế chấp tài sản ; Căn cứ vào Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 ; Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày

29/12/2006 ; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 thấy rằng: Bản án sơ thẩm tuyên văn bản công chứng số 109 quyền số 3 TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011 và văn bản công chứng số 245, quyền số 5 TP-CC.SCC-HĐGD vô hiệu là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng trong việc thu hồi nợ.

Vì vậy đề nghị TAND tỉnh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm như đã phân tích nêu trên.

**\* Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; Văn phòng Công chứng T.H vẫn giữ nguyên kháng cáo; Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị. Các bên không có thỏa thuận được nội dung nào đang Tr chấp và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời đề nghị HĐXX xem xét nếu có căn cứ vô hiệu đối với văn bản công chứng, thì đề nghị Tòa án buộc Văn phòng Công chứng T.H phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ngân hàng;

+ Quan điểm của ông T, bà Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, bà Q: đề nghị HĐXX xem xét tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp số 11580018/HĐBĐ vì tại Điều 6 biện pháp bảo đảm của Hợp đồng tín dụng số 11/2014-HĐTDHM/NHCT420 THANHLOI ngày 04/11/2014 không có hợp đồng thế chấp số 11580018/HĐBĐ được ký kết ngày 15/7/2011. Về nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp số 11580018/HĐBĐ vi phạm các quy định của luật Công chứng năm 2006 và Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó đề nghị HĐXX xem xét tuyên vô hiệu đối với văn bản công chứng số 109, quyền 3 TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011 đối với hợp đồng thế chấp số : 11580018/HĐBĐ ký ngày 14/7/2011 ; và văn bản công chứng số 2445, quyền 5 TP-CC.SCC-HĐGD ngày 20/11/2015 đối với văn bản sửa đổi nội dung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba ngày 20/11/2015 do văn phòng Công chứng T.H công chứng;

+ Văn phòng Công chứng T.H thừa nhận có thiếu sót, nhưng đó chỉ là những thiếu sót trong kỹ thuật soạn thảo văn bản, không ảnh hưởng đến nội dung hợp đồng thế chấp. Hơn nữa việc ông T, bà Q ký kết hợp đồng thế chấp là trên cơ sở tự nguyện, do đó không có cơ sở để tuyên văn bản công chứng số 109, quyền 3 TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011 và văn bản công chứng số 2445, quyền 5 TP-CC.SCC-HĐGD ngày 20/11/2015 do văn phòng Công chứng T.H công chứng bị vô hiệu.

+ Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Nội dung kháng cáo và kháng nghị: Căn cứ vào ý chí, năng lực hàng vi dân sự của ông Lê Xuân T và bà Lê Thị Q trong quá trình ký kết các văn bản thế chấp tài sản ; Căn cứ vào Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 ; Điều 10 Nghị



định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 ; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 thấy rằng : Bản án sơ thẩm tuyên văn bản công chứng số 109 quyền số 3TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011 và văn bản công chứng số 245, quyền số 5 TP-CC.SCC-HĐGD vô hiệu là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng trong việc thu hồi nợ.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS: Chấp nhận kháng nghị của VKSND Thành phố Thanh Hóa, chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP C.T Việt Nam và Văn phòng Công chứng T.H, sửa án sơ thẩm theo hướng: Công nhận văn bản công chứng số 109 quyền số 3TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011 và văn bản công chứng số 245, quyền số 5 TP-CC.SCC-HĐGD là phù hợp với quy định của pháp luật. Buộc ông T và bà Q phải có nghĩa vụ về tài sản đã thế chấp đối với Hợp đồng tín dụng của Công ty TNHH thương mại tổng hợp Th.L.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến, Tr luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; Văn phòng Công chứng T.H vẫn giữ nguyên kháng cáo; Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị. Các bên không có thỏa thuận được nội dung nào đang Tr chấp và đề nghị xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thi Thu Th, bà Trương Thị Tr, ông Hoàng Quốc L, bà Thiệu Thị H, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Thanh Hóa (không kháng cáo) nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đều vắng mặt. Căn cứ khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định.

[2]. Xét nội dung kháng cáo và kháng nghị:

Do kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện kiểm sát có cùng nội dung, nên Hội đồng xét xử nhận định, đánh giá và xem xét chung như sau:

[2.1]. Về Hợp đồng tín dụng:

Theo Hợp đồng tín dụng (*sau đây viết tắt là HĐTD*) số 11/2014-HĐTDHM/NHCT420-THANHLOI ngày 04/11/2014 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam (*sau đây viết tắt là Ngân hàng*) và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại tổng hợp Thành Lợi (*sau đây viết tắt là Cty Th.L*). Mục đích vay kinh doanh phân bón, các sản phẩm phân bón; thời hạn vay được nghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng, lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại các khế ước nhận nợ bà bằng 6,5%/năm. Phương thức thanh toán nợ: Trả gốc khi đến hạn, trả lãi hàng tháng.

Căn cứ vào Hợp đồng và các khế ước nhận nợ, từ ngày 17/8/2015 đến ngày 04/11/2015, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay số tiền

4.660.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 26/11/2015 Công ty đã thanh toán cho ngân hàng 110.000.000đ tiền nợ gốc và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cam kết tại hợp đồng tín dụng. Ngày 17/12/2015 Ngân hàng đã gửi các thông báo nợ đến hạn và mời lãnh đạo Cty Th.L lên làm việc nhưng không có phản hồi, do đó khoản nợ của Cty Th.L đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 18/12/2015. Người đại diện Cty Th.L là bà Hoàng Thị Thu Th và bà Trương Thị Tr bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo cho Ngân hàng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo tìm kiếm bà Tr, bà Th vắng mặt tại nơi cư trú nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì về bà Tr, bà Th.

Căn cứ vào HĐTD, các khế ước và các giấy tờ có liên quan do Ngân hàng xuất trình thì Cty Th.L đã vi phạm các điều khoản đã ký kết tại theo HĐTD và khế ước nhận nợ về thời hạn và phương thức trả nợ. Việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc Cty Th.L thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày 11/10/2018, nợ gốc quá hạn: 4.550.000.000đ; nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn: 1.545.572.830đ; Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc Cty Th.L phải trả tổng gốc và lãi là: 6.095.572.830đ là có căn cứ.

Nội dung này các bên không có tranh chấp và không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.2]. Về các tài sản theo các Hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay theo HĐTD số 11/2014-HĐTDHM/NHCT420-THANHLOI ngày 04/11/2014 giữa Ngân hàng, Cty Thành Lợi và bên thứ 3 đã ký 4 Hợp đồng thế chấp các tài sản (HĐTC), gồm HĐTC số 11580018/HĐBĐ ngày 15/10/2010; số 11580016/HĐBĐ ngày 07/7/2011; số 131031501/HĐBĐ ngày 25/9/2013 và số 131031502/HĐBĐ ngày 14/10/2013.

Trong quá trình thực hiện Cty Th.L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD đã ký, nhưng Ngân hàng chỉ khởi kiện 02 HĐ thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay trên, gồm:

- Tài sản 1: Ngày 25/9/2013 giữa Ngân hàng và bà Trương Thị Tr ký HĐTC số 131031501/HĐBĐ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 3, diện tích 110,68m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: SN 526 Ng.Tr, phường Ph.S, TP. Thanh Hóa theo giấy CNQSDĐ số AG725956 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 23/11/2006 mang tên bà Trương Thị Tr.

Đối với Hợp đồng thế chấp này, không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

- Tài sản thế chấp thứ 2 hiện đang có tranh chấp: Ngày 15/7/2011 giữa Ngân hàng, Cty Th.L và ông Lê Xuân T, bà Lê Thị Q ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 11580018/HĐBĐ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với

đất tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 10, diện tích 87m<sup>2</sup>, tại địa chỉ số ... Q.T1, phường Đ.V, Thành phố Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số Y085437 do UBND Thành phố Thanh Hóa cấp ngày 11/8/2003 mang tên ông Lê Xuân T và bà Lê Thị Q để đảm bảo cho khoản vay tại HĐTD số 10720003 ngày 05/10/2010, hiện HĐTD này đã thực hiện xong và đã được giải chấp và xóa thế chấp vào ngày 15/7/2011.

Do sau khi thực hiện xong việc giải chấp và xóa thế chấp vào ngày 15/7/2011 đối với HĐTD số 10720003 ngày 05/10/2010, ngày 20/11/2015 các bên gồm Ngân hàng, bên thế chấp tài sản và bên vay vốn ký văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC tài sản số 11580018/HĐBĐ ký ngày 15/7/2011 để đảm bảo cho HĐTD số 11/2014-HĐTDHM/NHCT420-THANHLOI ngày 04/11/2014 nên phát sinh Tr chấp, xét thấy:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 11580018/HĐBĐ được ký vào ngày 14/7/2010 và được công chứng tại Văn phòng Công chứng T.H ngày 15/7/2011 để đảm bảo cho khoản tiền vay theo HĐTD số 10720003 ngày 05/10/2010. Văn phòng công chứng ghi lời chứng là HĐTC tài sản số 11580017/HĐBĐ và các bên có năng lực hành vi dân sự. Ngân hàng và Văn phòng Công chứng T.H khẳng định hợp đồng được ký kết ngày 15/7/2011, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, việc ghi nhầm ngày 15/7/2010 là do lỗi kỹ thuật trong soạn thảo văn bản, nên văn phòng công chứng đã sửa chữa lỗi và gửi cho các bên. Thế nhưng ông T, bà Q không hề nhận được thông báo về việc sửa chữa lỗi này. Mặt khác bản sao hợp đồng thế chấp do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cũng như bản lưu tại Văn phòng Công chứng T.H không thể hiện đã được sửa chữa. Hơn nữa việc sửa chữa lỗi của Văn phòng Công chứng không tuân thủ theo quy định tại Điều 43 luật Công chứng năm 2006.

- Theo quy định tại Điều 35 Luật Công chứng năm 2006 thì Người yêu cầu công chứng tự đọc lại dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc công chứng viên đọc cho người yêu cầu công chứng nghe. Trường hợp người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch. Công chứng viên ghi lời chứng; ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch. Tuy nhiên trong hợp đồng thế chấp số 11580018/HĐBĐ, ông T, bà Q không ký vào từng trang của hợp đồng thế chấp, Công chứng viên chỉ ký vào trang lời chứng, không ký vào từng trang của văn bản công chứng là vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục công chứng đối với văn bản công chứng có nhiều trang.

- Lời chứng của Công chứng viên công chứng cho Hợp đồng thế chấp số 11580017/HĐBĐ, không phải là công chứng cho Hợp đồng thế chấp số 11580018/HĐBĐ ngày 15/7/2011. Tuy nhiên ngày 18/7/2011, văn phòng Công chứng T.H đã có công văn số 19. CV-VPCCTH đính chính số hợp đồng thế chấp nhưng chỉ gửi và thông báo cho Ngân hàng, không thông báo cho ông T, bà Q và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Hình thức đính chính không đúng với quy định tại Điều 43 Luật Công chứng năm 2006: “Khi sửa lỗi kỹ thuật văn bản công chứng, công chứng viên có trách nhiệm đối chiếu từng lỗi cần sửa

với các giấy tờ trong hồ sơ công chứng, gạch chân chỗ cần sửa, sau đó ghi chữ, dấu hoặc con số đã được sửa vào bên lề kèm theo chữ ký của mình và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng. Công chứng viên có trách nhiệm thông báo việc sửa lỗi kỹ thuật đó cho người tham gia hợp đồng, giao dịch”. Mặc dù Văn phòng Công chứng T.H trình bày là đã giao văn bản sửa chữa cho Ngân hàng, nhưng theo HĐTD số 11/2014-HĐTDHM/NHCT420-THANHLOI ngày 04/11/2014 thì tại điểm a Điều 6 vẫn thể hiện tài sản thế chấp là HĐTC số 11580018/HĐBĐ ngày 15/7/2010.

- Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung HĐTC quyền sử dụng đất ký ngày 20/11/2015, các bên thỏa thuận sửa đổi Điều 02 của HĐTC số 11580018/HĐBĐ ngày 15/7/2011 cũng chỉ thống nhất thỏa thuận chung chung, không cụ thể đảm bảo cho khoản vay nào của Cty Th.L, giá trị tài sản có tương xứng với khoản vay đó không và Người đảm bảo tài sản không được biết các khoản vay của Cty Th.L. Mặc dù trước đó ngày 18/11/2015 đã có biên bản định giá và thỏa thuận cụ thể khoản tiền đảm bảo giữa các bên. Như vậy làm mất quyền của người đảm bảo, không phù hợp với các quy định về HĐ bảo đảm tài sản, có sự gian dối và bất lợi đối với người đảm bảo tài sản. Việc này khi ký bổ sung HĐTC và Công chứng tại Văn phòng công chứng nhưng Ngân hàng và Văn phòng công chứng không có ý kiến gì là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân.

- Hợp đồng tín dụng số 11/2014-HĐTDHM/NHCT420 THANHLOI ngày 04/11/2014 ký giữa Ngân hàng với Cty Th.L thì các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng này, trong đó HĐTC số 11580018/HĐBĐ vẫn ghi ngày 15/7/2010 điều đó chứng tỏ Văn phòng công chứng chưa có sửa chữa lại là ngày 15/7/2011 theo như trình bày.

- Theo HĐTD này thì có 4 HĐTC bảo đảm cho khoản tiền vay, nhưng Ngân hàng chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo HĐTC số 131031501/HĐBĐ ngày 25/9/2013 của bà Trương Thị Tr là nơi đặt Trụ sở Cty Th.L và tài sản của ông T, bà Q phải chịu trách nhiệm về khoản nợ cho cả 4 HĐTC là không phù hợp với HĐTD và 04 HĐTC đã ký.

Từ những phân tích trên, yêu cầu độc lập của ông T, bà Q là có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu của ông T và bà Q và tuyên bố vô hiệu đối với tuyên bố văn bản công chứng số 109, quyền 3 TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011 về việc công chứng hợp đồng thế chấp số 11580018/HĐBĐ ngày 15/7/2011. Căn cứ Điều 410 BLDS 2005 thì Hợp đồng công chứng vô hiệu làm chấm dứt hợp đồng phụ, nên văn bản công chứng số 2445, quyền 5 TP-CC.SCC-HĐGD ngày 20/11/2015 đối với văn bản sửa đổi nội dung HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba là ông Lê Văn T và bà Lê Thị Q ngày 20/11/2015 do văn phòng Công chứng T.H công chứng đương nhiên bị vô hiệu.

Do HĐTC số 11580018/HĐBĐ ngày 15/7/2011 giữa ông Lê Xuân T, bà Lê Thị Q, bà Hoàng Thị Thu Th ký với Ngân hàng TMCP C.T Thanh Hóa đã vi phạm pháp luật dân sự như đã phân tích ở trên, nên việc Ngân hàng TMCP C.T Việt Nam yêu cầu Tòa án quyết định cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ

quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp đối với nhà đất tại số... Q.T 2, phường Đ.V, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do văn bản Công chứng vô hiệu: Mặc dù văn bản công chứng số công chứng số 109, quyển 3 TP-CC.SCC-HĐG ngày 15/7/2011 và văn bản công chứng số 245, quyển 5 TP-CC.SCC-HĐGD ngày 20/11/2015 bị vô hiệu, nhưng hợp đồng thế chấp số 11580018/HĐBĐ ngày 15/7/2011 không xác định phạm vi bảo đảm, Ngân hàng chưa xuất trình được căn cứ thiệt hại và chưa có cơ sở xác định thiệt hại do văn bản công chứng vô hiệu gây ra. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của Ngân hàng, giành quyền cho Ngân hàng khởi kiện bằng vụ án khác khi có căn cứ thiệt hại và có yêu cầu.

Từ những căn cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP C.T Việt Nam, Văn phòng Công chứng T.H và kháng nghị của VKSND Thành phố Thanh Hóa. Giữ nguyên quyết định của Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2018/KDTM-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

- Các đương sự kháng cáo (Ngân hàng TMCP C.T Việt Nam và Văn Phòng Công chứng T.H) không được chấp nhận nên phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000đ theo quy định khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuy nhiên việc thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đối với các đương sự với mức 300.000đ là không đúng với quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Vì vậy, các đương sự phải nộp phần còn thiếu của mức án phí KDTM phúc thẩm là 1.700.000đ.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần C.T Việt Nam, Văn phòng Công chứng T.H và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hóa. Giữ nguyên quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2018/KDTM-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa.

\* Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần C.T Việt Nam phải nộp 2.000.000đ án phí phúc thẩm, được trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006577 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa. Còn phải nộp tiếp 1.700.000đ (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*).

- Văn phòng Công chứng T.H phải nộp 2.000.000đ án phí phúc thẩm, được trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006572 ngày 31/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa. Còn phải nộp tiếp 1.700.000đ (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*).

\* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Hùng**